

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 112/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06/5/2024

**V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, chia
tài sản chung”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Trần Xuân Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Văn Tư.

Ông Lý Minh Hùng.

***Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.***

Ngày 6 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 146/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích C, sinh năm: 1997. (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm: 1994. (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Lê Thị Bích C trình bày: Chị và Anh Nguyễn Quốc D do quen biết nên tiến tới hôn nhân vào năm 2020, hôn nhân xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C tỉnh T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng kể từ tháng 1/2021, khi chị Thi mang thai, về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Hai bên đã sống ly thân thời gian dài không thể hàn gắn đoàn tụ được. Chị C nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với Anh D.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 29/9/2021 do Chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn Chị C yêu cầu được quyền nuôi con. Yêu cầu Anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tài sản chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có số vàng cưới là 10 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k. Số vàng trên hiện bà Lê Thị P là mẹ ruột của Anh D giữ. Khi ly hôn, chị yêu cầu buộc bà Phượng trả lại cho vợ chồng chị số vàng cưới trên và yêu cầu chia đôi.

Nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 14/4/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Anh Nguyễn Quốc D trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của Chị C về tình trạng hôn nhân. Anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của Chị C.

Về con chung: Có 01 con chung như Chị C trình bày. Anh đồng ý giao con cho Chị C nuôi nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Anh thống nhất với lời trình bày của Chị C về việc vợ chồng có số vàng cưới là 10 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k. Anh D cho rằng anh đã chi sai cá nhân hết, không còn số vàng trên nên không đồng ý chia.

Nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa hôm nay:* Nguyên đơn Chị C, Anh D thuận tình ly hôn, hai bên thống nhất giao con cho Chị C nuôi nhưng Anh D không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, hai bên thống nhất khai có 10 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k do Anh D giữ, không liên quan gì đến bà Phượng. Chị C yêu cầu chia đôi số vàng cưới trên nhưng Anh D không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa Chị Lê Thị Bích C và Anh Nguyễn Quốc D là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về tư cách tham gia tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Chị C và Anh D thống nhất khai số vàng cưới hai bên tranh chấp do Anh D trực tiếp giữ. Bà Phượng không liên quan gì đối với số tài sản chung trên nên không cần thiết phải đưa bà Phượng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, mặc dù hôn nhân giữa Chị Lê Thị Bích C và Anh Nguyễn Quốc D là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 110 ngày 21/12/2020 tại UBND xã An Cư. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của hai bên đã không còn hạnh phúc, thời gian mâu thuẫn và thời gian ly thân kéo dài. Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên không mong muốn đoàn tụ. Vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của Chị C và Anh D.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa, hai bên thống nhất giao con chung cho Chị C nuôi. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, học hành, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung. Tiếp tục giao cháu Quốc Anh cho Chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của Chị C: Theo quy định tại Điều 110 luật Hôn nhân gia đình thì cha, mẹ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con. Vì vậy yêu cầu của Chị C là có cơ sở chấp nhận. Việc Anh D cho rằng mình không có công việc thu nhập ổn định nên không đồng ý cấp dưỡng là không có cơ sở xem xét. Căn cứ vào mức chi tiêu thiết yếu bình quân tại địa phương tại thời điểm xét xử thì mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên Tòa, hai bên thống nhất khai số tài sản chung vợ chồng có được là 10 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k hiện Anh D đang quản lý. Theo quy định tại khoản 2 Điều 59 luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi. Vì vậy yêu cầu của Chị C là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào nguồn gốc tài sản và nguyên tắc phân chia tài sản, thì số vàng trên chia theo tỷ lệ 5:5 là phù hợp.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị C, Anh D phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Giá vàng 24K tại thời điểm xét xử là 7.300.000 đồng/chỉ. Giá vàng 18K tại thời điểm xét xử là 5.550.000 đồng/chỉ. Như vậy án phí được tính như sau: $(7.300.000 \text{ đồng/chỉ} \times 05 \text{ chỉ vàng } 24k) + (5.550.000 \text{ đồng/chỉ} \times 0,5 \text{ chỉ vàng } 18K) = 39.275.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.963.750 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Thị Bích C.

1. Về hôn nhân: Cho Chị Lê Thị Bích C ly hôn với Anh Nguyễn Quốc D;

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày 29/9/2021 cho Chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Quốc Anh đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự nuôi sống được bản thân. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2024.

Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chia cho Chị Lê Thị Bích C 05 chỉ vàng 24K và 0.5 chỉ vàng 18K.

Chia cho Anh Nguyễn Quốc D 05 chỉ vàng 24K và 0.5 chỉ vàng 18K.

Buộc Anh Nguyễn Quốc D có nghĩa vụ giao lại cho Chị Lê Thị Bích C 05 chỉ vàng 24K và 0.5 chỉ vàng 18K khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Bích C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 1.963.750 đồng án phí chia tài sản chung. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015108 ngày 25/3/2024 và 1.825.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015109 ngày 25/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên phải nộp thêm 138.750 đồng.

Anh Nguyễn Quốc D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 1.963.750 đồng án phí chia tài sản chung.

6. Chị Lê Thị Bích C và Anh Nguyễn Quốc D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cái Bè;
- UBND nơi ĐKKH;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trần Xuân Văn